

Bản án số: 117/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 12/6/2020

V/v tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung”

N1 DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN N1 DÂN HUYỆN THỚI LAI – THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thanh Trúc

- *Các Hội thẩm N1 dân:* 1/ Ông Lý Hồng Hạnh

2/ Ông Phan Thanh Dũng

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Phục Hưng, Cán bộ
Tòa án N1 dân huyện Thới Lai.

Trong ngày 12 tháng 6 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện Thới Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2020/QĐXX-ST ngày 28 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Chị **Hoàng Thị Ngọc S**, sinh năm 1989

Địa chỉ: ấp 6, xã Thuận Hưng, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

***Bị đơn:** Anh **Ngô Văn N**, sinh năm 1981

Địa chỉ: ấp Đông Hòa B, xã Thới Tân, huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Hoàng Thị Ngọc S trình bày:

Tôi và anh N tự tìm hiểu yêu thương và tiến đến hôn nhân vào năm 2007, đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã Thới Tân, huyện Thới Lai vào ngày 30/12/2008. Trong thời gian chung sống, vợ chồng chung sống cũng thường xuyên cãi vã, không hòa hợp nhưng vì thương chồng nên tôi cố gắng bỏ qua nhưng mâu thuẫn kéo dài, anh N hay ghen vô cớ, không tin tưởng vợ, trong khi anh N cũng

thường xuyên nhắn tin với người phụ nữ khác bị tôi bắt gặp và đến tháng 3/2020 thì tôi thuê nhà ở riêng và sống ly thân với anh N, nay tôi quyết định ly hôn.

- Về con chung: có 02 con chung là Ngô Ngọc Huyền T, sinh ngày 08/3/2011 và Ngô Ngọc Thành N1, sinh ngày 22/6/2016. Từ khi tôi và anh N sống ly thân, hai cháu sống với cha, nay tôi đồng ý để anh N tiếp tục nuôi con.

- Tài sản chung: Tự thỏa thuận chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Ngô Văn N trình bày: Tôi thống nhất với phần trình bày của S về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nhưng về nguyên nhân mâu thuẫn thì do S thường xuyên đi chơi với bạn bè và có những cử chỉ thân mật nên tôi mới ghen. Tôi mong muốn S quay về chung sống để cùng chăm lo cho con chung, tôi không đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung là Ngô Ngọc Huyền T, sinh ngày 08/3/2011 và Ngô Ngọc Thành N1, sinh ngày 22/6/2016. Nếu phải ly hôn, tôi yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: chị Hoàng Thị Ngọc S và anh Ngô Văn N sống chung với nhau từ năm 2007, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Tại phiên tòa, chị S vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh N, anh N không đồng ý ly hôn và yêu cầu được đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy, chị S và anh N đều thống nhất nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, thường xuyên cãi vã, anh N từng đánh chị S từ đó mâu thuẫn kéo dài nhưng cả hai đều không tìm được tiếng nói chung để hóa giải mâu thuẫn. Chị S và anh N đã sống ly thân từ tháng 3/2020, trong thời gian này, cả hai người đều không có động thái hàn gắn hôn nhân, vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Hơn nữa, hành vi bạo lực của anh N là một trong những căn cứ để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S.

[2] Về con chung: chị S và anh N có 02 con chung là Ngô Ngọc Huyền T, sinh ngày 08/3/2011 và Ngô Ngọc Thành N1, sinh ngày 22/6/2016. Chị S và N đều thống nhất giao con chung cho anh N nuôi dưỡng, xét thỏa thuận này phù hợp với nguyện vọng con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Về cấp dưỡng, anh N không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

[4] Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Hoàng Thị Ngọc S được ly hôn với anh Ngô Văn N.

- Về con chung: giao cháu Ngô Ngọc Huyền T, sinh ngày 08/3/2011 và Ngô Ngọc Thành N1, sinh ngày 22/6/2016 cho anh N nuôi dưỡng, chị S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho chị S, không ai có quyền cản trở chị S thực hiện quyền này.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét.

- Về án phí: Chị Hoàng Thị Ngọc S phải nộp 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 015546 ngày 27/4/2020 của Thi hành án dân sự huyện Thới Lai thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TPCT;
- VKS huyện;
- THA huyện;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh Trúc